

Bảng dữ liệu an toàn vật liệu (MSDS)

"Bảng dữ liệu an toàn vật liệu này (MSDS) đã được cung cấp"

1. SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY XÁC NHẬN

- Tên sản phẩm : TECTYL PRESS 250
- Sử dụng và hạn chế
 - Tư vấn sử dụng: Dầu Định Hình Kim Loại
 - Hạn chế :
 - Không trộn sản phẩm với bất kỳ sản phẩm không được kiểm soát nào khác
- Thông tin Nhà sản xuất
 - Thông tin Nhà sản xuất : Cty TNHH Tectyl Oil & Chemicals Vina, Lô C_2D_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương
 - Công ty : Cty TNHH Tectyl Oil & Chemicals Vina,
 - Địa chỉ : Lô C_2D_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thới Hòa, Bến Cát, Bình Dương
 - Dịch vụ thông tin hoặc số khẩn cấp : 933854940
 - Phòng ban chịu trách nhiệm về thông tin / số liên lạc:Cty TNHH Tectyl Oil & Chemicals Vina, R & D Center. Quản lý chung Jeon Young Sik

2. NHẬN ĐỊNH NGUY HIỂM

- Phân loại mối nguy
 - MỨC ĐỘ ĐỘC TÍNH HỮU CƠ Loại 2
 - MỨC ĐỘ HÓA CHẤT ĐỘC HẠI Loại 1
 - HÀ TÀNG THỦY SẢN DÀI HẠN Loại 1
- NHÃN CẢNH BÁO
 - Ký hiệu
 - 
 - Từ tín hiệu: CẢNH BÁO
 - Báo cáo nguy hiểm
 - H373 Có thể gây tổn thương các cơ quan (hoặc nêu tất cả các cơ quan bị ảnh hưởng, nếu biết) khi phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại (tình trạng phơi nhiễm nếu được chứng minh một cách chắc chắn rằng không có con đường phơi nhiễm nào khác gây ra nguy hiểm).
 - H400 Rất độc đối với đời sống thủy sinh.
 - H410 Có thể gây ảnh hưởng có hại lâu dài đến đời sống thủy sinh.
 - Biện pháp phòng ngừa
 - Phòng ngừa
 - P260 Tránh hít bụi / khói / khí / sương / hơi / phun.
 - P273 Không xả rác ra môi trường.
 - Phương pháp cấp cứu
 - P314 Nhận tư vấn / chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.
 - P391 Thu gom chất bị rơi vãi
 - Thải bỏ
 - P501 Vứt bỏ các nội dung / nơi chứa ...

3. Thông tin nguy hiểm khác không có trong phân loại nguy cơ (NFPA)

※ Không có dữ liệu NFPA của sản phẩm, do đó dữ liệu NFPA được mô tả bởi thành phần sản phẩm.

Tên hóa chất	Loại NFPA		
	Sức khỏe	cháy nổ	Khả năng phản ứng
1. Chất 1	1	1	1

3. THÔNG TIN THÀNH PHẦN

Các thành phần	Tên thành phần	CAS No.	PCT(W%)
1) chất 1	chất 1	-	-

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

1. Tiếp xúc bằng mắt

- Cần cấp cứu ngay.
- Trong trường hợp tiếp xúc với vật liệu, rửa mắt ngay lập tức bằng nước máy trong ít nhất 15 phút.
- Trong trường hợp tiếp xúc với chất, ngay lập tức rửa sạch da hoặc mắt bằng nước chảy trong ít nhất 20 phút.
- Tìm kiếm sự trợ giúp y tế ngay lập tức.

2. Tiếp xúc với da

- Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ / dược sĩ mà bạn cảm thấy không khỏe.
- Để tiếp xúc với da nhỏ, tránh lây lan vật liệu trên da không bị ảnh hưởng.
- Cần gọi cho y tế ngay nếu cảm thấy không khỏe
- Cần cấp cứu ngay.
- Trong trường hợp tiếp xúc với vật liệu, rửa mắt ngay lập tức bằng nước máy trong ít nhất 15 phút.
- Trong trường hợp tiếp xúc với chất, ngay lập tức rửa sạch da hoặc mắt bằng nước chảy trong ít nhất 20 phút.
- Quần áo và giày dép bị nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.
- Hủy bỏ và cô lập quần áo và giày nhiễm bẩn.
- Tìm kiếm sự trợ giúp y tế ngay lập tức.

3. Sau khi hít phải

- Dùng oxy nếu thở khó.
- Không sử dụng phương pháp hô hấp bằng miệng nếu nạn nhân ăn vào hoặc hít phải chất đó; hô hấp nhân tạo với sự trợ giúp của mặt nạ bỏ túi được trang bị van một chiều hoặc thiết bị y tế hô hấp thích hợp khác.
- Hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân không thở.
- Nếu tiếp xúc với mức độ bụi hoặc khói quá mức, hãy chuyển sang không khí trong lành và được chăm sóc y tế nếu ho hoặc các triệu chứng khác phát triển.
- NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở.
- Giữ nạn nhân ấm áp và yên tĩnh.
- Di chuyển đến không khí trong lành.
- Tìm kiếm sự trợ giúp y tế ngay lập tức.

4. Sau khi nuốt phải

- Không sử dụng phương pháp hô hấp bằng miệng nếu nạn nhân ăn vào hoặc hít phải chất đó; hô hấp nhân tạo với sự trợ giúp của mặt nạ bỏ túi được trang bị van một chiều hoặc thiết bị y tế hô hấp thích hợp khác.
- Cần cấp cứu ngay.
- NẾU NUỐT PHẢI: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ / dược sĩ.
- Nếu bất tỉnh nhưng thở, không bao giờ cho bất cứ điều gì bằng miệng.
- Tìm kiếm sự trợ giúp y tế ngay lập tức.

5. Tư vấn từ bác sĩ

- Không áp dụng các loại thuốc của nhóm ephedrine adrenaline.
- Đảm bảo rằng nhân viên y tế nhận thức được các tài liệu có liên quan và có biện pháp phòng ngừa để tự bảo vệ mình.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Phương tiện chữa cháy phù hợp (và không phù hợp)

- Phương tiện chữa cháy phù hợp
 - Bột chữa cháy, Sử dụng bột cồn, carbon dioxide, hoặc phun nước khi chữa cháy liên quan đến vật liệu này., Sử dụng cát khô hoặc đất để làm cháy lửa., Phun nước., CO₂., Hóa chất khô.
- Phương tiện chữa cháy không phù hợp
 - Nước áp lực cao., Nước trực tiếp.
- Lửa lớn
 - Bột chịu cồn., CO₂., Phun nước / sương mù., Hóa chất khô., Nước dư thừa., Bột.

2. Các mối nguy hiểm đặc biệt phát sinh từ chất

- Sản phẩm phân hủy
 - Trong một đám cháy, các khí độc và khó chịu có thể được tạo ra do phân hủy nhiệt hoặc đốt cháy.
 - Không cháy, chất tự nó không cháy nhưng có thể phân hủy khi nung nóng để tạo ra khói ăn mòn và / hoặc độc.
- Nguy cơ cháy nổ
 - vật chứa có thể phát nổ khi đun nóng.
 - Hòa hoạn có thể gây khó chịu và / hoặc khí độc.
 - Có thể phát nổ từ nhiệt, ma sát hoặc ô nhiễm.
 - Một số có thể đốt cháy nhưng không dễ dàng đốt cháy.

3. Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa

- Tiếp xúc có thể gây bỏng da và mắt.
- Đề điều khiển nước để xử lý sau này; không phân tán vật liệu.
- Di tản khu vực và chống cháy từ khoảng cách an toàn.
- Cháy liên quan đến bồn chứa: luôn tránh xa các bồn chứa bị chìm trong lửa.
- Cháy liên quan đến bể chứa: Các thùng chứa mát với lượng nước tràn ngập cho đến khi hết lửa.
- Cháy liên quan đến bồn chứa: Chống cháy từ khoảng cách tối đa hoặc sử dụng các vòi đỡ không người lái hoặc .
- Cháy liên quan đến bồn chứa: Đối với hỏa hoạn lớn, sử dụng vòi không người lái hoặc vòi phun lớn; nếu điều này là không thể, rút khỏi khu vực và để đốt cháy.
- Cháy liên quan đến bể chứa: Rút ngay lập tức trong trường hợp âm thanh phát ra từ việc thông hơi thiết bị an toàn hoặc đổi màu bể.
- Di chuyển các bể chứa từ khu vực lửa nếu bạn có thể làm điều đó mà không có rủi ro.
- Lực lượng cứu hộ nên trang bị đồ bảo hộ thích hợp.
- Dòng chảy có thể gây ô nhiễm.
- một số chất có thể lan truyền nhiệt.
- Chất có thể được vận chuyển dưới dạng nóng chảy.

6. CÁC BIỆN PHÁP GIẢM NHẸ TAI NẠN

1. Cần nhắc sức khỏe và thiết bị bảo hộ

- Tránh hít bụi / khói / khí / sương / hơi / phun.
- Làm sạch vết trần ngay lập tức, quan sát các biện pháp phòng ngừa trong phần Thiết bị bảo vệ.
- Che bằng tấm nhựa để tránh lan rộng.
- Không thâm nhập các khu vực có nhiều hơn 23,5% oxy trong khí quyển, không có mặt nạ hô hấp hoặc không khí cung cấp.

- Không chạm vào vật chứa bị hỏng hoặc vật liệu bị đổ trừ khi mặc quần áo bảo hộ thích hợp.
 - Không chạm vào hoặc đi qua vật liệu bị đổ.
 - Kiểm tra tất cả các nguồn đánh lửa (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa trong khu vực ngay).
 - Xin lưu ý rằng vật liệu và điều kiện cần tránh.
 - Ngăn chặn đám mây bụi.
 - Dùng rò rỉ nếu bạn có thể làm điều đó mà không có rủi ro.
 - Thông gió khu vực bị ô nhiễm.
2. những phòng ngừa thuộc về môi trường
- không xả rác ra môi trường.
 - Tránh xa hệ thống đường nước
 - Ngăn chặn xâm nhập vào đường dẫn nước, cống, tầng hầm hoặc khu vực hạn chế.
3. Phương pháp dọn dẹp
- Hấp thụ hoặc phủ bằng đất khô, cát hoặc vật liệu không cháy khác và chuyển vào thùng chứa.
 - Hấp thụ tràn bằng vật liệu trơ (ví dụ: cát khô hoặc đất), sau đó đặt vào thùng chứa chất thải hóa học.
 - Hấp thụ chất lỏng và chà khu vực bằng chất tẩy rửa và nước.
 - Che phủ bột tràn với tấm nhựa hoặc tấm bạt để giảm thiểu sự lây lan và giữ cho bột khô.
 - Đám cháy lớn: tránh lây lan để phòng bị sau này
 - Giảm bụi trong không khí và ngăn ngừa tán xạ bằng cách làm ẩm bằng nước.
 - Đổ tràn nhỏ: Hấp thụ bằng đất, cát hoặc vật liệu không cháy khác và chuyển vào thùng chứa để xử lý sau này.
 - Đổ tràn nhỏ: xả nước tràn khu vực với lượng nước tràn ngập.
 - Với vật liệu làm sạch xéng sạch vào thùng chứa sạch, khô và đầy lỏng; Di chuyển container ra khu vực tràn dầu.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

1. Thận trọng trong việc bảo quản
- Tránh tiếp xúc với da và mắt khi chèn dung dịch chưa pha loãng. Rửa sạch ... sau khi xử lý.
 - Chú ý: Nguy hiểm cháy nguy hiểm khi tiếp xúc với nhiệt, hoặc ngọn lửa, tia lửa.
 - Sử dụng máy phù hợp để phòng ngừa khi xử lý gói.
 - Mang bảo vệ cá nhân thích hợp. (Xem phần Kiểm soát phơi nhiễm / Bảo vệ cá nhân.)
2. Điều kiện lưu trữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ sự không tương thích.
- Chọn một nơi có thể được bảo vệ khỏi các chất ôxi hóa và axit mạnh.
 - Xử lý phụ: Phải làm việc ở nơi an toàn., Cấm xếp chồng quá 3 lớp.
 - Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, nhiệt độ thấp, tránh xa nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy}

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm, Tiêu chuẩn phơi nhiễm sinh học:
- ※ Không có giới hạn tiếp xúc và dữ liệu phơi nhiễm sinh học của sản phẩm. do đó dữ liệu được mô tả
- 1) chất 1**
- Quy định khác (trong nước): Chưa được thành lập
 - ACGIH : chưa được thành lập
 - Tiêu chuẩn sinh học: chưa được thành lập.
2. Điều khiển kỹ thuật phù hợp
- Nếu hoạt động của người dùng tạo bụi, khói hoặc sương mù, hãy sử dụng hệ thống thông gió để tiếp xúc với chất gây ô nhiễm không khí dưới giới hạn phơi nhiễm.

- Sử dụng thông gió đầy đủ hoặc thông hơi cục bộ thích hợp để giữ nồng độ trong không khí dưới giới hạn phơi nhiễm cho phép.
- Sử dụng thùng chứa quy trình, thông gió xả cục bộ hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để kiểm soát mức độ khí bên dưới giới hạn phơi nhiễm được khuyến nghị.

3. Bảo vệ cá nhân

- o Bảo vệ hô hấp
 - Nếu tần suất sử dụng hoặc phơi nhiễm cao, hãy đeo khẩu trang không khí.
 - Mặc bảo vệ hô hấp, cần được xác nhận từ Cơ quan An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp Việt Nam
- o Bảo vệ mắt
 - Các thiết bị lưu trữ hoặc sử dụng vật liệu này nên được trang bị một cơ sở rửa mắt và một vòi sen an toàn.
 - Mang tấm che mặt để bảo vệ mắt khỏi bụi tán xạ hoặc chất lỏng độc hại.
 - Mang kính bảo hộ lao động không thấm ẩm để bảo vệ chống bụi.
- o bảo vệ tay
 - Mang găng tay bảo vệ chống thấm hóa chất không thấm nước (latex, nitrile rubber, PVC) để ngăn ngừa tiếp xúc với da.
- o Bảo vệ cơ thể
 - Khi tiếp xúc có khả năng chịu mòn hóa chất, dầu mỡ và mỡ, không thấm nước thấm giày và quần áo.

9.CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

1. Ngoại quan: Màu cánh gián (hồ phách)
2. mùi : Mùi dầu
3. Ngưỡng mùi: Không có sẵn dữ liệu
4. Chỉ số Ph : không có sẵn dữ liệu
5. Điểm nóng chảy / điểm đóng băng :Không có dữ liệu
6. Điểm sôi ban đầu và khoảng sôi: Không có sẵn dữ liệu
7. Điểm chớp cháy : 202°C
8. Tốc độ bay hơi: Không có sẵn dữ liệu
- 9.Tính dễ cháy (rắn, khí): Không áp dụng
- 10.Giới hạn cháy hoặc nổ trên / dưới: Không có sẵn dữ liệu
11. Độ hòa tan: Không có sẵn dữ liệu
12. Áp suất hơi: không có dữ liệu
- 13.Tỷ trọng tương đối : 1.2 (15/4°C)
- 14.n-octanol / hệ số phân vùng nước: Không có sẵn dữ liệu
- 15.Nhiệt độ tự cháy: Không có sẵn dữ liệu
- 16.Nhiệt độ phân hủy: Không có sẵn dữ liệu
17. Mật độ hơi: Không có sẵn dữ liệu
18. Độ nhớt : 180 (40°C, mm²/s)
19. Trọng lượng phân tử (khối lượng): Không có sẵn dữ liệu

10. ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định và khả năng phản ứng nguy hiểm
 - Cật chứa có thể phát nổ khi đun nóng.
 - Hòa hoạn có thể gây khó chịu và / hoặc khí độc.
 - Hòa hoạn có thể tạo ra các chất gây kích ứng, ăn mòn và / hoặc khí độc.
 - Có thể gây ra tác dụng độc nếu hít phải.
 - Chất không tự cháy, chất tự nó không cháy nhưng có thể phân hủy khi nung nóng để tạo ra khói ăn mòn và / hoặc độc.
 - Một số chất lỏng tạo ra hơi có thể gây chóng mặt hoặc ngêth thờ.
 - Một số có thể đốt cháy nhưng không dễ cháy.

- Một số chất lỏng tạo ra hơi có thể gây chóng mặt hoặc nghẹt thở.
2. Điều kiện cần tránh
- Nhiệt
 - Nguồn đánh lửa (nhiệt, tia lửa, ngọn lửa, vv).
3. Các vật liệu không tương thích
- Chất dễ cháy, giảm vật liệu.
 - Gây kích ứng và / hoặc khí độc.
4. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm
- Ăn mòn / độc hại khỏi.
 - Trong một đám cháy, các khí độc và khó chịu có thể được tạo ra do phân hủy nhiệt hoặc đốt cháy.
 - Gây kích ứng, ăn mòn và / hoặc khí độc.

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

1. Thông tin xác thực
- Sau khi tiếp xúc với mắt: Không có dữ liệu
 - Sau khi ăn: Không có dữ liệu
 - Sau khi hít phải: Không có dữ liệu
 - Tiếp xúc với da: Không có dữ liệu
2. Thông tin nguy hiểm về sức khỏe
- ※ Không có dữ liệu của sản phẩm, do đó dữ liệu được mô tả bởi thành phần sản phẩm.
- 1) chất 1**
- ĐỘC TÍNH CẤP TÍNH
 - Miệng: Không phân loại / LD50 2000
 - Da: Không phân loại
 - Hít: Không có sẵn dữ liệu
 - Hít phải-Hơi: Không có sẵn dữ liệu
 - ĐỘC TÍNH CẤP TÍNH
 - Hít phải bụi / sương mù: Không có sẵn dữ liệu
 - KÍCH THÍCH/ ĂN MÒN DA: Không có sẵn dữ liệu
 - KHÍCH THÍCH NGHIÊM TRỌNG MẮT: Không có sẵn dữ liệu
 - PHÂN TÍCH ĐƯỜNG HỒ HẤP: Không có sẵn dữ liệu
 - CHỐNG ĐỘ ẨM DA: Không phân loại / Không nhạy cảm với lợn Guinea
 - CHẤT LƯỢNG: Không được phân loại
 - Thông báo về việc làm và lao động: Không áp dụng
 - IARC : Không áp dụng
 - OSHA : Không áp dụng
 - ACGIH : Không áp dụng
 - NTP : Không áp dụng
 - EU CLP : Không áp dụng
 - KHẢ NĂNG ĐỘT BIẾN TẾ BÀO MÀM : Không được phân loại
 - ĐỘC TÍNH SINH SẢN : Không được phân loại / Không có tử vong và không có thay đổi đáng kể về ngoại hình, hành vi ở liều 1000, 1500, 2500 mg / kg / ngày ở chuột trong thời kỳ mang thai 6 - 19 tuổi. ở chuột không có tác dụng gây độc cho mẹ hoặc phôi thai nào được quan sát thấy ở bất kỳ nhóm nào
 - TIÊU CHUẨN CỤ THỂ TỔ CHỨC ĐỘC QUYỀN: Không có sẵn dữ liệu/ ở chuột Cơ bắp bị mềm, mất cân bằng và hành vi chậm chạp được báo cáo. Hoại tử thận. Sự thoái hóa mỡ của gan, lá lách và tuyến ức xuất hiện phản ứng. Tồn thương thận nặng 4000 mg / kg.
 - TIÊU CHUẨN CỤ THỂ TỔ CHỨC TIẾP XÚC ĐỀ XUẤT: Loại 2 / Người ta quan sát thấy Tế bào gan (625mg / kg) và sự gia tăng trọng lượng gan và thận (100 & amp; amp; 625mg / kg) trong các thí nghiệm trên động vật.

- Nguy hiểm khi hít phải : Không có sẵn dữ liệu

12. THÔNG TIN SINH THÁI

1.Độc tính thủy sinh

1) **chất 1**

- Cá : LC50 > 10000 mg/L cá
- động vật giáp xác EC50 0.0059 mg / L Thủy sinh vật không xương sống
- Tảo biển: EC50 > 3.2 mg / L Tảo thủy sản

2. Sự tồn tại và suy thoái

1) **chất 1**

- Suy thoái: Không có sẵn dữ liệu
- n-octanol hệ số phân vùng nước:log Kow 5.47

3.tiềm năng tích tụ sinh học

1) **chất 1**

- Tích lũy sinh học: BCF 1087
- Phân hủy sinh học: Không có sẵn dữ liệu

4.Tính di động trong đất

1) **chất 1**

- Không có sẵn dữ liệu

5. Các tác dụng phụ khác

1) **chất 1**

- Không có sẵn dữ liệu

13. KIỂM TRA XỬ LÝ

1. Phương thức xử lý

- Mỗi nhà sản xuất chất thải thương mại sẽ xử lý chất thải phát sinh từ địa điểm kinh doanh của chính mình hoặc ủy thác việc xử lý chất thải đó cho người có giấy phép kinh doanh xử lý chất thải theo Điều 26 (3), người tái chế các chất thải như vậy theo Điều 44 (2), một người đã lắp đặt và vận hành một cơ sở xử lý chất thải theo Điều 4 hoặc 5, một người đã hoàn thành việc đăng ký kinh doanh xả chất thải ra biển theo Điều 18 của Quản lý môi trường biển Hành động.

2. Biện pháp phòng ngừa (bao gồm cả việc thải bỏ bao bì chứa đựng chất nhiễm bẩn.

- Vứt bỏ nguyên liệu / thùng chứa ...
- Không cho phép vật liệu tràn vào cống, lấy nước cống, đất, vv
- Thùng chứa rỗng có thể phát nổ và dư lượng có thể được đốt cháy khi bị áp lực, cắt, hàn, làm nóng.
- Thùng chứa rỗng có thể vỡ khi bị áp lực.
- Các thùng chứa rỗng được tái chế theo luật môi trường.
- Mang bảo vệ cá nhân thích hợp. (Xem phần Kiểm soát phơi nhiễm / Bảo vệ cá nhân.)

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

1. UN No : Không được phân loại

2.Tên giao hàng phù hợp: Không được phân loại

3. Lớp hoặc phân lớp : Không được phân loại

4. Nhóm đóng gói: Không được phân loại

5. Chất ô nhiễm biển: Không được phân loại

6. Đáp ứng an toàn đặc biệt cho phương tiện vận chuyển hoặc vận chuyển:

- Các biện pháp khẩn cấp trong trường hợp hỏa hoạn: Không được phân loại
- Các biện pháp khẩn cấp trong nước thải: Không được phân loại

- Sản phẩm này KHÔNG được phân loại là nguy hiểm cho Vận chuyển IATA

15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

1. Đạo luật an toàn và sức khỏe nghề nghiệp

1) **chất 1**

- Không được phân loại

2. Hành động kiểm soát hóa chất độc

1) **chất 1**

- Chất hóa học hiện có

3. Kiểm soát an toàn các chất độc hại hoạt động tại Việt Nam

4. Đạo luật kiểm soát chất thải ở Việt Nam

5. Các quy định khác tại Việt Nam và các quy định ở nước ngoài

1) **chất 1**

- Quy định khác (trong nước): Không được phân loại
- Quy định quốc gia:
 - Phân loại -EU (Phân loại): N; R50-53 R64 R66
 - Phân loại -EU (Các cụm từ nguy cơ): R50-53, R64, R66
 - Phân loại -EU (Cụm từ an toàn): S:(2)-24-60-61

16. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham khảo

- IUCLID
- OECD SIDS
- Sự xuất bản
- báo cáo thực tập

2. Ngày chuẩn bị : 2020.11.03

3. Ngày sửa đổi: Lần 1 : 2020.11.03

4. Khác

Dựa trên tiêu chuẩn của Bộ Lao động và Việc làm, GHS, MSDS.

H305 May

H315 Cau

H332 Hari

H412 Hari

may be harmful if swallowed and enters airways.

causes skin irritation.

harmful if inhaled.

harmful to aquatic life with long lasting effects

